TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 258/2025/QĐST-HNGĐ	*Gia Lâm, ngày 17 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 251/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung", giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1983

- ***Bị đơn***: Chị **Lê Thị Ngọc L**, sinh năm 1986

Cùng trú tại: Tòa S khu đô thị V, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Hùng và chị Lê Thị Ngọc L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của giữa anh Bùi Văn Hùng và chị Lê Thị Ngọc L, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh H và chị L thống nhất xác định có 02 con chung là cháu Bùi Thiện B, sinh ngày 17/9/2014 và cháu Bùi Lê Thúy H1, sinh ngày 29/9/2017. Khi ly hôn anh H và chị L thống nhất thỏa thuận:

+ Chị L là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu chung là cháu Bùi Thiện B và cháu Bùi Lê Thúy H1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H là bố có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị L là 9.000.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi cháu B và cháu H1 trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng (là động sản và bất động sản): Anh H và chị L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.3. Về công nợ chung vợ chồng: Anh H và chị L không vay nợ ai và không ai vay nợ anh chị nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Văn H chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0066135 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Nay chuyển thành án phí.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND thị trấn D, huyện D, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2013-quyển số 01/2013 do UBND thị trấn D, huyện D, thành phố Hà Nội ngày 10/6/2023);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đam